

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VÀ CHÍNH SÁCH GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM TẠI VIỆT NAM

Nguyễn Quốc Việt*, Đỗ Thị Phương Hoa**

Tóm tắt

Thị trường bảo hiểm Việt Nam đã có những bước phát triển nhất định kể từ đầu những năm 1990. Tuy nhiên, hoạt động của thị trường hiện nay cho thấy nhiều dấu hiệu phát triển chưa bền vững, đặc biệt dễ dâm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia thị trường. Bài viết này tập trung phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh bảo hiểm tính từ thời điểm Việt nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và các chính sách giám sát của nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm nhằm thúc đẩy phát triển thị trường bảo hiểm bền vững, ổn định, bảo vệ quyền và lợi ích của khách hàng tham gia một cách hiệu quả.

Từ khóa: Thị trường bảo hiểm, giám sát thị trường, quyền lợi người tham gia bảo hiểm.

1. Đặt vấn đề

Hoạt động bảo hiểm có tầm ảnh hưởng sâu rộng không chỉ đến các cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp mà còn ảnh hưởng đối với nền kinh tế. Ngoài ra, hoạt động bảo hiểm hàm chứa rất nhiều rủi ro. Điều này đòi hỏi cần phải được giám sát chặt chẽ vì mục tiêu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia bảo hiểm, người được bảo hiểm, người được hưởng quyền lợi bảo hiểm; đảm bảo sự phát triển bền vững và bảo hộ lợi ích chính đáng của các doanh nghiệp bảo hiểm; điều chỉnh, thúc đẩy hoạt động kinh doanh bảo hiểm phát triển theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Ngành Bảo hiểm đang trở thành ngành kinh tế quan trọng trong việc phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Kể từ khi chính thức đi vào hoạt động từ năm 1993 đến nay thị trường bảo hiểm đã đạt được những kết quả rất đáng khích lệ như

tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân khoảng 15%, giúp giải quyết bồi thường, ổn định kinh tế xã hội, đầu tư trở lại nền kinh tế và giải quyết một số lượng lớn lao động cho nền kinh tế (Bộ Tài chính, 2012). Tuy nhiên, vẫn còn những vấn đề bất cập như thị trường Bảo hiểm đang phát triển chưa thực sự bền vững, quy mô thị trường còn nhỏ, vốn kinh doanh của các doanh nghiệp bảo hiểm còn hạn chế, hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh và trục lợi bảo hiểm ngày càng tinh vi và có xu hướng gia tăng (Tô Ngọc Hưng, 2011). Bên cạnh đó, thị trường Bảo hiểm đang ngày càng hội nhập sâu vào thị trường khu vực và thế giới, sản phẩm ngày càng đa dạng và phức tạp, môi trường cạnh tranh khốc liệt. Do đó đòi hỏi chính sách quản lý giám sát phải phù hợp với các nguyên tắc và chuẩn mực quốc tế.

Bài viết này tập trung phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh bảo hiểm tính từ thời điểm Việt nam gia nhập WTO và các chính sách giám sát của nhà nước với hoạt động kinh doanh bảo hiểm nhằm thúc đẩy phát triển thị trường Bảo hiểm bền vững, ổn định, bảo vệ khách hàng tham gia bảo hiểm một cách hiệu quả.

2. Thực trạng hoạt động kinh doanh trên thị trường bảo hiểm Việt Nam

Số lượng doanh nghiệp bảo hiểm

Tính đến thời điểm 31/12/2014 thị trường bảo hiểm có 60 công ty bảo hiểm trong đó có 29 công ty Bảo hiểm Phi nhân thọ (BH PNT), 17 công ty Bảo hiểm nhân thọ (BH NT), 2 công ty tái bảo hiểm và 12 công ty môi giới bảo hiểm. 60 Công ty bảo hiểm thuộc mọi thành phần kinh tế, trong đó 25 công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) 1 thành viên, 8 công ty TNHH 2 thành viên trở lên và 24 công ty cổ phần.

* Nguyễn Quốc Việt, Tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội.

** Đỗ Thị Phương Hoa, Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia.

Bảng 1. Số lượng và loại hình doanh nghiệp bảo hiểm

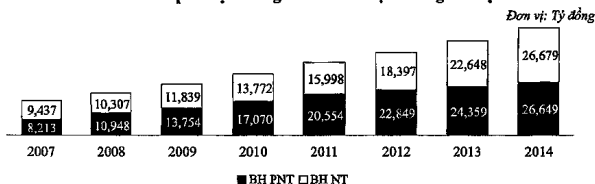
Loại hình doanh nghiệp/Hình thức pháp lý	TNHH 1 thành viên	TNHH 2 thành viên trở lên	Cổ phần	Tổng cộng
Phi nhân thọ	10	2	10	22
Nhân thọ	11	5	1	17
Tái bảo hiểm		10	1	11
Môi giới bảo hiểm	3	2	7	12
Tổng cộng	25	10	24	60

Nguồn: Cục quản lý và Giám sát bảo hiểm

Một đặc điểm của thị trường bảo hiểm hiện nay là thị phần doanh thu phí bảo hiểm chủ yếu rơi vào tay các doanh nghiệp lớn, cụ thể 5 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ và 5 doanh nghiệp

bảo hiểm nhân thọ hàng đầu tương ứng chiếm tới 91% và 67% thị phần tổng doanh thu phí bảo hiểm.

Hình 1: Doanh thu phí thị trường Bảo hiểm Việt Nam giai đoạn 2007-2014

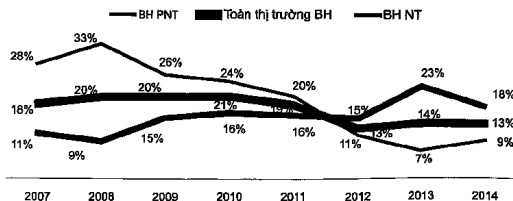


Nguồn: Cục Quản lý và Giám sát bảo hiểm – Bộ Tài chính

Năm 2007 là năm đầu tiên Việt Nam thực hiện cam kết khi trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới WTO. Nền kinh tế Việt Nam mở cửa và hội nhập sâu rộng với nhiều cơ hội và thách thức. Ngành bảo hiểm cũng đạt được những bước phát triển tương ứng.

Doanh thu phí bảo hiểm 2007 toàn thị trường đạt 17.640 tỷ đồng, tăng 18% trong đó doanh thu phí BH PNT là 8.213 tỷ đồng, tăng 28% và doanh thu phí BH NT là 9.437 tỷ đồng, tăng 11% so với 2006.

Hình 2: Tốc độ tăng trưởng doanh thu phí thị trường Bảo hiểm Việt Nam giai đoạn 2007-2014



Nguồn: tổng hợp từ nhiều nguồn của tác giả

Năm 2013, 2014 các doanh nghiệp tiến hành tái cơ cấu toàn diện, tốc độ tăng trưởng doanh thu phí bắt đầu có sự hồi phục và tăng cao trở lại mặc dù kinh tế vĩ mô phục hồi chậm. Các doanh nghiệp bảo hiểm phải đẩy mạnh phát triển sản phẩm mới và khai thác các sản phẩm bán lẻ để đảm bảo tăng trưởng. Tính đến cuối năm 2014, tổng doanh thu phí bảo hiểm đạt khoảng 53.000 tỷ đồng, tăng 13 % so với cùng kỳ năm 2013. Khu vực BH NT đạt 26.649 tỷ đồng, tăng 18% và khu vực BH PNT đạt 26.679 tỷ đồng, tăng 9%. Cùng với sự phát triển của thị trường bảo hiểm, quy mô vốn và tổng tài sản của các doanh

nh nghiệp bảo hiểm được tăng trưởng qua các năm. Quy mô VCSH và TTS của thị trường bảo hiểm được tăng từ 13.880 tỷ đồng và 56.328 tỷ đồng năm 2007 lên tới 32.842 tỷ đồng và 114.663 tỷ đồng năm 2014. Như vậy quy mô vốn chủ sở hữu (VCSH) và tổng tài sản (TTS) đã được tăng lên hơn 2 lần sau 7 năm phát triển. Tuy nhiên tốc độ tăng mạnh nhất là vào các năm 2007, 2008 khi VCSH và TTS tăng tương ứng lên tới 114% và 46%, nguyên nhân là rất nhiều các doanh nghiệp bảo hiểm đã được thành lập mới và chính thức đi vào hoạt động trong năm 2007 và 2008.

Bảng 2. Vốn chủ sở hữu và Tổng tài sản thị trường bảo hiểm (2007-2014)

	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
Đơn vị: Tỷ đồng								
Vốn chủ sở hữu								
Tổng	3.880	22.722	5.438	31.845	31.675	32.842	37.557	40.813
BH NT	1.541	11.115	2.264	12.285	15.245	15.592	20.031	22.866
BH PNT	8.339	11.607	3.174	17.760	6.430	17.250	17.524	17.947
Tổng tài sản								
Tổng	56.328	71.830	84.978	92.229	106.245	114.663	134.704	170.565
BH NT	39.678	49.074	57.441	58.023	71.455	78.756	97.229	114.481
BH PNT	16.650	22.756	27.537	34.206	34.790	35.906	37.475	56.084

Nguồn: Cục Quản lý Giám sát Bảo hiểm – Bộ Tài chính

Các doanh nghiệp bảo hiểm đã tạo lập nguồn vốn trung và dài hạn cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Số tiền đầu tư trở lại nền kinh tế tăng trưởng qua các năm, từ cuối năm 2007 tổng số tiền đầu tư chỉ là 44.945 tỷ đồng và cho đến cuối

2014 tổng đầu tư của thị trường bảo hiểm đã tăng lên 121.400 tỷ đồng, trong đó tổng đầu tư của khu vực BH PNT là 23.600 tỷ đồng và tổng đầu tư của khu vực BH NT là 97.800 tỷ đồng.

Bảng 3: Tổng đầu tư thị trường bảo hiểm giai đoạn 2009 – 2014

	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014
Đơn vị: Tỷ đồng						
Tổng	19.313	23.052	22.946	24.688	23.232	23.600
BH NT	47.593	57.487	60.134	64.879	81.000	97.800
BH PNT	66.906	80.539	83.080	89.567	104.232	121.400

Nguồn: Cục Quản lý Giám sát Bảo hiểm – Bộ Tài chính

Hiệu quả kinh doanh

Các doanh nghiệp bảo hiểm đạt mức tăng trưởng doanh thu phí cao tuy nhiên kết quả kinh doanh chưa thực sự hiệu quả. Hoạt động bảo hiểm hầu như thua lỗ, tỷ lệ bồi thường và tỷ lệ chi phí cao. Các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ có tỷ suất sinh lời thấp, ROE chỉ ở mức 6-8%. Hầu hết các doanh nghiệp lấy hoạt động

đầu tư tài chính để bù đắp thua lỗ cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Chi phí hoạt động kinh doanh và chi phí bồi thường của các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ luôn ở mức cao do các nguyên nhân: (i) chất lượng khai thác, công tác quản trị rủi ro của các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ còn yếu kém, (ii) cạnh tranh

không lành mạnh thông qua hạ phí thấp, mở rộng điều kiện bảo hiểm không tương xứng với rủi ro; (iii) tình trạng trục lợi bảo hiểm, đặc biệt đối với một số nghiệp vụ như bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm con người, bảo hiểm thân tàu ngày càng diễn ra trên quy mô lớn; (iv) mạng lưới khai thác công kênh, công tác khai thác còn mang nặng thủ tục hành chính, hệ thống công

nghệ của hầu hết các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ chưa đáp ứng yêu cầu quản lý; (v) trả hoa hồng và tặng khuyến mãi cho khách hàng kể cả đối với các nghiệp vụ bảo hiểm bắt buộc như bảo hiểm trách nhiệm dân sự xe cơ giới; (vi) hệ thống kênh phân phối mở rộng nhưng kém hiệu quả, có đến 80% số lượng chi nhánh của các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ bị thua lỗ.

Bảng 4: Khả năng sinh lời của các doanh nghiệp bảo hiểm (2009-2014)

	Đơn vị	2009	2010	2011	2012	2013	2014
BH PNT							
Lợi nhuận thuần hoạt động bảo hiểm	Tỷ đồng	-257	-336	-359	3	-144	-189
Lợi nhuận thuần hoạt động tài chính	Tỷ đồng	1.099	1.595	1.826	1.813	1.614	1.615
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	850	1.250	1.484	1.841	1.522	1.423
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	667	955	1.066	1.326	1.023	960
Tỷ lệ bồi thường	%	45,5	44,6	47,4	46,3	43,8	43,0
Tỷ lệ chi phí	%	35,2	40,9	41,9	42,9	42,4	41,8
ROE	%	5,7	6,6	6,3	8,2	5,8	5,5
BH NT							
Lợi nhuận thuần hoạt động bảo hiểm	Tỷ đồng	-2.305	-2.257	-2.892	-2.886	-3.768	-6.406
Lợi nhuận thuần hoạt động tài chính	Tỷ đồng	4.186	4.543	4.960	3.723	6.172	7.409
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.870	2.202	2.102	854	2.408	2.134
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.498	1.741	1.528	573	1.692	1.500
Tỷ lệ chi phí	%	78,1	85,1	96,3	93,9	79,2	92
ROE	%	12,92	14,35	10,95	3,7	9,5	6,8

Nguồn: Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia

Các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ có tỷ suất sinh lời cao hơn doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ. Tuy nhiên chi phí bán hàng và chi phí quản lý cao, lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tài chính vẫn là nguồn chủ yếu bù đắp cho thua lỗ trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Tình trạng trục lợi trong bảo hiểm nhân thọ cũng là nguyên nhân đẩy chi phí khu vực này tăng cao. nghệ của hầu hết các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ chưa đáp ứng yêu cầu quản lý; (v) trả hoa hồng và tặng khuyến mãi cho khách hàng kể cả đối với các nghiệp vụ bảo hiểm bắt buộc như bảo hiểm trách nhiệm dân sự xe cơ giới; (vi) hệ thống kênh phân phối mở rộng nhưng kém hiệu quả, có đến 80% số lượng chi nhánh của các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ bị thua lỗ.

3. Chính sách giám sát thị trường bảo hiểm Việt Nam

Khung pháp lý cho hoạt động giám sát thị trường bảo hiểm

Khung pháp lý cho hoạt động giám sát bảo hiểm bao gồm hai nhóm: Nhóm các văn bản pháp quy trực tiếp điều chỉnh hoạt động giám sát bảo hiểm và nhóm các văn bản pháp quy làm cơ sở thực hiện hoạt động giám sát bảo hiểm. Khung pháp lý trực tiếp điều chỉnh hoạt động giám sát bảo hiểm Bao gồm các văn bản chính như Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2010/QH10 ngày 19/12/2000 do Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam ban hành, Nghị định số 41/2009/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm (KDBH), Quyết định số 34/2008/QĐ-TTg ngày

3/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia, Quyết định 79/2009/QĐ-TTg ngày 18/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia (UBGSTCQG); trong đó quy định UBGSTCQG giám sát chung thị trường tài chính trong đó có thị trường bảo hiểm, Quyết định số 288/2009/QĐ-BTC ngày 12/2/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục quản lý giám sát bảo hiểm.

Nhóm văn bản thứ 2 là các văn bản làm cơ sở thực hiện hoạt động giám sát bảo hiểm nhóm này bao gồm luật KDBH số 24/10/QH10 ngày 19/12/2000 do Quốc Hội Nước CHXHCN Việt Nam ban hành; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm số 61/2010/QH12 ngày 24/11/2010 do Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam ban hành; Nghị định 45/2007/NĐ-CP ngày 27/3/2007 quy định chi tiết việc thi hành một số điều tại Luật KDBH; - Nghị định 46/2007/NĐ-CP ngày 27/3/2007 quy định chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm; Nghị định 123/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật KDBH và sửa đổi, bổ sung một số điều của NĐ 45/2007/NĐ-CP. Bên cạnh đó là một loạt các thông tư do các Bộ chuyên ngành soạn thảo nhằm hướng dẫn việc thực hiện các văn bản luật và Nghị định nêu trên.

Nội dung chính sách giám sát thị trường bảo hiểm Việt Nam

Theo điều 120, Chương VII, Luật KDBH, nội dung quản lý, giám sát thị trường bảo hiểm (TTBH) bao gồm khá nhiều khía cạnh, trong đó quy định rõ: “Áp dụng các biện pháp cần thiết để doanh nghiệp bảo hiểm (DNBH) đảm bảo các yêu cầu về tài chính và thực hiện cam kết với bên mua bảo hiểm”. Do vậy, việc giám sát thị trường bảo hiểm Việt Nam tập trung vào những mục tiêu chính sau:

- Đảm bảo khả năng chi trả của doanh nghiệp bảo hiểm;
- Đảm bảo cạnh tranh lành mạnh giữa các tổ chức KDBH;

- Bảo vệ người tiêu dùng (người tham gia bảo hiểm hay người mua hợp đồng bảo hiểm);

- Đảm bảo lành mạnh tài chính, an toàn của thị trường bảo hiểm từ đó góp phần ổn định hệ thống tài chính Việt Nam.

Giám sát các tiêu chuẩn, điều kiện hoạt động KDBH

Đây là nội dung giám sát trước khi cấp giấy phép thành lập và hoạt động KDBH. Thực chất là giám sát việc đảm bảo các điều kiện tham gia thị trường theo pháp luật quy định trên cơ sở thẩm định hồ sơ xin cấp giấy phép thành lập và hoạt động.

- Kiểm tra nhân sự: Việc kiểm tra được thực hiện thông qua các tài liệu, thông tin trong hồ sơ xin cấp giấy phép như lý lịch, văn bằng chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người quản trị, người điều hành doanh nghiệp.

- Thẩm định tư cách pháp lý, khả năng tài chính của các chủ đầu tư: Pháp luật về KDBH Việt Nam hiện nay đã cụ thể hóa điều kiện tối thiểu về mặt tài chính cho việc cấp phép, đó là: số vốn điều lệ đã góp hoặc vốn được cấp không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của Chính phủ.

- Thẩm định về nghiệp vụ: Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm – Bộ Tài chính thẩm định sự phù hợp của các quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm với các quy định pháp luật hiện hành, điều kiện kinh tế - xã hội và phong tục, tập quán dân tộc; tính khả thi về kinh tế, kỹ thuật của phương án kinh doanh.

Giám sát trong quá trình hoạt động

- Khả năng thanh toán: Theo pháp luật về KDBH tại Việt Nam hiện nay, một DNBH được coi là đủ khả năng thanh toán khi đã trích lập đầy đủ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm và có biên khả năng thanh toán không thấp hơn biên khả năng thanh toán tối thiểu. Biên khả năng thanh toán là khoản chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả của DNBH tại thời điểm xác định khả năng thanh toán. Khi khả năng thanh toán không đảm bảo, DNBH phải lập và báo cáo ngay với Bộ Tài chính phương án tài chính để bổ sung phần thiếu hụt. Phương án tài chính phải được thực hiện trong 90 ngày kể từ ngày phát hiện có sự thiếu hụt khả năng thanh toán.

Trường hợp không khôi phục được khả năng thanh toán theo quy định, DNBH phải chịu sự giám sát đặc biệt của Ban kiểm soát khả năng thanh toán hoặc bị hạn chế phạm vi, lĩnh vực hoạt động, bị đình chỉ hoạt động, phải chuyển giao hợp đồng bảo hiểm... cho đến khi khả năng thanh toán của doanh nghiệp được khôi phục.

- Dự phòng nghiệp vụ (DPNV):

Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm ở Việt Nam hiện nay quy định về các loại DPNV như sau: DPNV bảo hiểm là số tiền mà doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải trích lập nhằm mục đích thanh toán cho những trách nhiệm bảo hiểm đã được xác định trước và phát sinh từ những hợp đồng bảo hiểm, hợp đồng tái bảo hiểm đã giao kết. Mỗi loại DPNV có nhiều phương pháp trích lập. Đối với DP phí chưa được hưởng là các phương pháp trích lập theo tỷ lệ phần trăm (%), trích lập theo hệ số 1/8 hoặc 1/24 hoặc 1/365; đối với DP bồi thường là các phương pháp thống kê, theo từng hồ sơ, theo nhịp độ bồi thường. Trong DNBH nhân thọ, DP toán học có thể áp dụng phương pháp DP phí thuần... DNBH phải tùy thuộc vào đặc tính của loại nghiệp vụ, các điều kiện mọi mặt về trình độ công nghệ bảo hiểm để lựa chọn phương pháp trích hợp.

- Hoạt động đầu tư:

Để đảm bảo an toàn vốn, Thông tư 125/TT-BTC đã quy định ra các nguyên tắc đầu tư: Không được đi vay để đầu tư trực tiếp (hoặc ủy thác đầu tư) vào chứng khoán, bất động sản, góp vốn vào doanh nghiệp khác. Không được đầu tư trở lại dưới mọi hình thức cho các cổ công (thành viên) góp vốn hoặc người có liên quan quy định lại Luật doanh nghiệp, trừ tiền gửi tại các cổ đông (thành viên) là TCTD. Đầu tư dưới hình thức gửi tiền tại các tổ chức tín dụng (TCTD) (bao gồm cả các TCTD là cổ đông, thành viên góp vốn), doanh nghiệp bảo hiểm, và chi nhánh nước ngoài phải lựa chọn các TCTD thuộc nhóm 1 và nhóm 2 theo đánh giá xếp hạng của ngân hàng nhà nước (NHNN). Hạch toán tách bạch các khoản đầu tư từ nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn vốn nhân quỹ từ dự phòng nghiệp vụ và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Đầu tư nguồn vốn chủ sở hữu trong

phân đầu tư ra nước ngoài: chỉ được đầu tư ra nước ngoài phần vốn tương ứng với số chênh lệch giữa vốn chủ sở hữu vượt quá mức vốn pháp định hoặc khả năng thanh toán tối thiểu.

Ở Việt Nam hiện nay, cơ quan giám sát tập trung vào việc xác định hợp lý lượng vốn nhân quỹ mà DNBH có thể sử dụng để đầu tư, phạm vi và cơ cấu danh mục đầu tư từ nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn vốn nhân quỹ từ DPNV và các nguồn hợp pháp khác.

Giám sát việc chia tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể và phá sản DNBH

Ở Việt Nam, theo quy định của Điều 74, 75, 76, mục 3 chương III, Luật KDBH, việc chuyển giao hợp đồng bảo hiểm phải được thực hiện trong các trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm có nguy cơ mất khả năng thanh toán, chia tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể; chuyển giao hợp đồng bảo hiểm phải đảm bảo các điều kiện như: DNBH nhận chuyển giao đang kinh doanh nghiệp vụ bảo hiểm được chuyển giao, các quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng được chuyển giao không thay đổi cho đến khi hết thời hạn hợp đồng bảo hiểm, việc chuyển giao hợp đồng bảo hiểm phải kèm theo việc chuyển giao các quỹ và dự phòng nghiệp vụ liên quan.

4. Khuyến nghị chính sách

Từ những phân tích ở trên về thực trạng chính sách liên quan đến hoạt động giám sát thị trường bảo hiểm cho thấy cần thiết phải hoàn thiện văn bản pháp luật và chính sách giám sát thị trường bảo hiểm, nâng cao hiệu quả, các hoạt động giám sát không chỉ nhằm mục tiêu an toàn và là cơ sở thực tiễn sự phát triển của thị trường bảo hiểm dựa trên nền tảng kiểm soát được các rủi ro với một số khuyến nghị cụ thể sau đây.

Hệ thống pháp lý về bảo hiểm cần hoàn thiện, phù hợp với thực tiễn thì việc giám sát thị trường bảo hiểm mới thực sự hiệu quả từ đó mới đảm bảo cho sự ổn định của thị trường. Các quy định pháp lý về bảo hiểm ở Việt Nam hiện nay cần hoàn thiện trên các khía cạnh sau:

Sửa Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 61/2000/QH12 một cách tổng thể cùng các văn bản hướng dẫn thi hành theo hướng hệ thống

văn bản pháp luật mới sẽ có phạm vi điều chỉnh rộng hơn và đồng bộ hơn hoạt động kinh doanh bảo hiểm trong mối liên kết với các mảng thị trường dịch vụ tài chính.

Sửa đổi các quy định chồng chéo giữa hệ thống văn bản pháp luật về kinh doanh bảo hiểm và các văn bản pháp luật khác, bảo đảm tính đồng bộ, nhất quán giữa các văn bản quy phạm pháp luật.

Xóa bỏ hiện tượng khép kín, chia cắt thị trường bảo hiểm: Hoàn thiện các quy định bảo đảm sự công khai, minh bạch và bình đẳng trong việc cung cấp dịch vụ bảo hiểm giữa các doanh nghiệp bảo hiểm chuyên ngành và các doanh nghiệp bảo hiểm khác; tuân thủ các nguyên tắc về đầu thầu và cạnh tranh trong lĩnh vực bảo hiểm; giám sát và xử lý nghiêm các biểu hiện can thiệp hành chính trong việc giao kết hợp đồng bảo hiểm.

Xây dựng cơ chế, chính sách nhằm tăng cường năng lực quản trị và hoạt động của các doanh nghiệp bảo hiểm trên 3 yêu cầu chủ yếu: an toàn vốn, quản trị rủi ro và minh bạch hóa thông tin, bao gồm:

- Ban hành các quy định chặt chẽ về vốn pháp định và các mức độ an toàn khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm.

- Ban hành các quy định về quản lý rủi ro của doanh nghiệp bảo hiểm, bao gồm các quy trình quản trị rủi ro, vai trò và trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm, hệ thống thông tin và báo cáo phục vụ công tác quản lý.

- Ban hành quy định chặt chẽ về công khai và minh bạch hóa thông tin của doanh nghiệp bảo

hiểm, bao gồm tần suất công khai, các loại thông tin công khai, mức độ chi tiết hóa của thông tin công khai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Anh

- International Association of Insurance Supervisors (2012). Insurance Core Principles, Standards, Guidance and Assessment Methodology, [//www.iaisweb.org](http://www.iaisweb.org)

- International Association of Insurance Supervisors (2003). Revised insurance core principles, Approved in Singapore on 3 October 2003, [//www.iaisweb.org](http://www.iaisweb.org).

- Martin Eling – Ines Holzmüller (2008). An overview and comparison of Risk based capital standards, University of St.Gallen

Tiếng Việt

- Bộ Tài chính (2012). Thị trường bảo hiểm Việt nam- Tài liệu công bố hàng năm giai đoạn 2007-2012, Nhà xuất bản Tài chính.

- PGS. TS. Hoàng Trần Hậu - ThS. Nguyễn Tiến Hùng (2013). “Giám sát an toàn tài chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm ở Việt Nam”, Phát triển và hội nhập, số 11 – Trang 42-50

- PGS.TS Hoàng Trần Hậu – PGS. TS Hoàng Mạnh Cừ (2011). Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát của Nhà nước đối với thị trường bảo hiểm ở Việt Nam, đề tài khoa học, Học viện Tài chính.

- Tô Ngọc Hưng (2011). Hệ thống giám sát tài chính Việt Nam, Nhà xuất bản Hà Nội, trang 48-106.